TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 9 - 2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quốc Huy.

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hoa;

2. Bà Nguyễn Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai, lời khai và lời trình bày tại phiên toà của chị Lê Thị N và anh Bùi Văn Q thì nội dung vụ án như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị N và anh Bùi Văn Q lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/09/2012 tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi cưới, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, có 02 con chung nhưng đến khoảng tháng 3/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị Lê Thị N: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Q không làm chủ được gia đình, không có kinh tế, mọi thứ đều phải phụ thuộc vào bố mẹ chồng, cuộc sống gia đình rất áp lực và bí bách, vợ chồng làm gì, cần mua những thứ nhỏ nhất cũng phải xin tiền bố mẹ chồng. Khoảng tháng 3/2018 anh Q nghi ngờ chị ngoại tình với người đàn ông khác nhưng không có bằng chứng gì, sau đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng cãi chửi nhau. Đến khoảng tháng 9/2018 trong lúc cãi nhau anh Q tát chị và đuổi chị ra khỏi nhà, vợ chồng chị cũng ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị được ly hôn với anh Bùi Văn Q.

Theo anh Bùi Văn Q: Khoảng tháng 3/2018 anh phát hiện chị N nhắn tin qua lại với người yêu cũ, khi anh nói chuyện thì chị N không thanh minh, không nói rõ và không thừa nhận mối quan hệ này. Đến khoảng tháng 9/2018 chị N vẫn nhắn tin với người yêu cũ, anh nói không được nên có chửi chị N thì chị N nói không ở được thì chia tay và chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó không quan tâm gì đến anh và các con. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh nhất trí ly hôn với chị N.

- *Về con chung:* Chị Lê Thị N và anh Bùi Văn Q có 02 con chung là cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 26/3/2013 và cháu Bùi Cảnh V, sinh ngày 05/7/2016; hiện hai cháu đang ở cùng anh Q. Chị Lê Thị N và anh Bùi Văn Q đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con; các đương sự không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác:* Chị Lê Thị N và anh Bùi Văn Q đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; chị Lê Thị N và anh Bùi Văn Q thuận tình ly hôn nhưng không nhất được việc nuôi con chung.

Tại phiên toà:

- Chị Lê Thị N và Bùi Văn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm như đã trình bầy trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Bùi Văn Q. Về con chung: Giao cháu Bùi Khánh L cho chị Lê Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 9/2020 cho tới khi cháu đủ 18 tuổi; Giao cháu Bùi Cảnh V cho anh Bùi Văn Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Q và chị N

không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản, công nợ chung và các vấn đề khác do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Bùi Văn Q là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế vợ chồng khó khăn, cuộc sống sinh hoạt phụ thuộc vào gia đình nhà chồng. Anh Q nghi ngờ chị N ngoại tình với người yêu cũ nhưng không đưa ra được bằng chứng gì dẫn đến vợ chồng liên tục cãi, chửi nhau, tháng 9/2018 mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay. Quá trình giải quyết vụ án cả chị N và anh Q đều thuận tình ly hôn nhau vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, không thể về chung sống được với nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Bùi Văn Q là phù hợp với thực tế và pháp luật quy định tại Điều 55 luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Lê Thị N và anh Bùi Văn Q có 02 con chung là cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 26/3/2013 và cháu Bùi Cảnh V, sinh ngày 05/7/2016; hiện hai cháu đang ở cùng anh Q.

Chị Lê Thị N và anh Bùi Văn Q đều đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyện vọng được nuôi con của chị N và anh Q là chính đáng, về điều kiện chỗ ở hiện nay, chị N và anh Q đều đang sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ, nếu được nuôi con hai bên gia đình cùng hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; chị N và anh Q đều xuất trình tài liệu hiện đang phụ giúp gia đình chăn nuôi gà đẻ, thu nhập bình quân của chị N mỗi tháng từ 10 triệu đến 15 triệu đồng, thu nhập bình quân mỗi tháng của anh Q là 50 triệu đồng. Như vậy, cả chị N và anh Q đều có đủ điều kiện được nuôi con chung, để đảm bảo quyền được nuôi con của chị N và anh Q cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Khánh L và cháu Cảnh V, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, tinh thần và ổn định cuộc sống. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Khánh L là con gái cần có sự chăm sóc của mẹ hơn, nên giao cháu Khánh L cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Cảnh V cho anh Q tiếp tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N và anh Q đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải chịu phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Bùi Văn Q.

2. Về con chung:

- Giao cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 26/3/2013 cho chị Lê Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 09/2020 cho tới khi cháu L đủ 18 tuổi.

- Giao cháu Bùi Cảnh V, sinh ngày 05/7/2016 cho anh Bùi Văn Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu V đủ 18 tuổi.

Chị Lê Thị N và anh Bùi Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng. Đối trừ số tiền 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân theo biên lai số AA/2015/0003721 ngày 03/7/2020, chị N đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã C;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Quốc Huy